

Số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 01 tháng 09 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN**(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch Hội đồng thành viên**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Giám đốc Kiểm toán, Định giá** số Căn cước Công dân: 001183016184, do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/06/2016 thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm hoặc các dịch vụ chuyên ngành tài chính do Công ty thực hiện;
- Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính, Thẩm định giá, Thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng của các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 200 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo thẩm định giá, Chứng thư thẩm định giá, Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tư vấn do Công ty thực hiện;
- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa được sử dụng Con dấu của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM để thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Bà Nguyễn Thị Mai Hoa** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2019 đến ngày 01 tháng 09 năm 2021, thay thế Giấy Ủy quyền đã ban hành trước đây. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Giám đốc Kiểm toán, Định giá

Nguyễn Thị Mai Hoa

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Phú Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015 về việc cấp lại mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ tư (04) ngày 14/01/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh Transport and Service Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco;

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, Quốc lộ 1A, Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư (04) ngày 14/01/2019 là: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BLN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Ngô Xuân Phú	Chủ tịch
	Ông Đoàn Thái Bình	Thành viên
	Ông Dương Minh Thắng	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Yên	Thành viên
BAN KIỂM SOÁT	Bà Nguyễn Minh Chi	Trưởng Ban kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngoan	Thành viên
BAN GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Hữu Yên	Giám đốc
	Ông Dương Minh Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Ninh Đức Thọ	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Yên
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 14/2021/BCKT/CPA VIETNAM - NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2020
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc;
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/9/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN 100=110+130+140+150)	100		65.814.847.217	52.708.001.257
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.874.261.675	19.666.128.048
1. Tiền	111		19.371.117.096	8.666.128.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		503.144.579	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.991.633.089	28.027.004.813
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	41.634.537.465	22.595.696.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.247.960.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	109.135.624	5.431.308.313
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.545.591.160	1.608.735.353
1. Hàng tồn kho	141		1.545.591.160	1.608.735.353
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		403.361.293	3.406.133.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	196.334.939	2.909.251.776
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	207.026.354	496.881.267
B - TÀI SẢN DÀI HẠN 200 =220+230+240+250+260)	200		153.964.112.150	89.452.378.382
II. Tài sản cố định	220		152.828.786.103	88.557.120.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	152.743.369.432	88.557.120.311
- Nguyên giá	222		244.295.572.296	193.642.321.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.552.202.864)	(105.085.201.274)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	85.416.671	-
- Nguyên giá	228		150.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.583.329)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.135.326.047	895.258.071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.135.326.047	895.258.071
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		219.778.959.367	142.160.379.639

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		165.471.025.043	88.133.323.649
I. Nợ ngắn hạn	310		72.429.050.043	38.712.798.649
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	11.346.139.874	7.948.539.793
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.530.000.000	319.948.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.533.231.355	442.413.252
4. Phải trả người lao động	314		9.824.870.410	18.999.228.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	253.108.541	233.037.854
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	7.798.200	150.677.600
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	47.785.690.124	10.395.550.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		148.211.539	223.403.539
II. Nợ dài hạn	330		93.041.975.000	49.420.525.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	1.809.500.000	1.841.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	91.232.475.000	47.579.525.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.307.934.324	54.027.055.990
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	54.307.934.324	54.027.055.990
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		774.882.808	774.882.808
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.533.051.516	3.252.173.182
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		3.252.173.182	1.058.924.277
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		280.878.334	2.193.248.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.778.959.367	142.160.379.639
(440 = 300+400)				

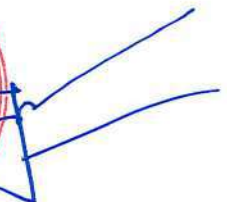
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	157.973.795.642	184.489.509.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		157.973.795.642	184.489.509.753
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	141.987.633.090	167.718.910.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.986.162.552	16.770.599.197
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	154.669.089	629.546.063
7. Chi phí tài chính	22	5.18	9.566.740.837	3.060.876.020
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.566.740.837	3.060.876.020
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	8.801.425.816	13.284.601.223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(2.227.335.012)	1.054.668.017
11. Thu nhập khác	31	5.21	2.693.349.091	1.768.577.272
12. Chi phí khác	32	5.21	119.861.885	51.647.326
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	2.573.487.206	1.716.929.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		346.152.194	2.771.597.963
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	65.273.860	578.349.058
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		280.878.334	2.193.248.905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	56,18	438,65

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		346.152.194	2.771.597.963
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		28.610.476.656	16.992.960.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.769.324.143)	(2.385.591.517)
- Chi phí lãi vay	06		9.566.740.837	3.060.876.020
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.754.045.544	20.439.842.890
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.674.773.363)	(265.876.710)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		63.144.193	(684.729.741)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.625.727.485)	5.825.643.838
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.472.848.861	790.689.912
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.566.740.837)	(3.060.876.020)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(69.743.105)	(602.659.231)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(75.192.000)	(179.227.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.277.861.808	22.262.807.296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(92.950.214.667)	(58.476.810.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.682.727.273	1.763.545.454
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.669.089	629.546.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.112.818.305)	(56.083.718.483)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		117.665.187.537	43.464.850.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36.622.097.413)	(6.321.775.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		81.043.090.124	35.893.075.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		208.133.627	2.072.163.813
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.666.128.048	17.593.964.235
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	19.874.261.675	19.666.128.048

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Ngoan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Giám đốc



Nguyễn Hữu Yên

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và được đăng ký lần đầu ngày 31/7/2015.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/8/2015 về việc cấp lại Mã số doanh nghiệp của Công ty là 0106953041, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ tư (04) ngày 14/01/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Lien Ninh Transport and Service Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Lien Ninh Transerco.

Địa chỉ Công ty: Km 15+200, quốc lộ 1A, Thôn Yên Phú, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư (04) ngày 14/01/2019 là: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BLN.

Số lao động bình quân trong năm: 468 người (Năm 2019 là 509 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Vận tải bằng xe buýt; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ khác (chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Cho thuê xe có động cơ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường); Bốc xếp hàng hóa; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn ô tô (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Vận tải hành khách bằng xe buýt.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty không sụt giảm nhiều (Doanh thu năm 2019 là 184.489.509.753 đồng, năm 2020 giảm xuống còn 157.973.795.642 đồng), nhưng trong năm công ty đầu tư các phương tiện xe và thanh lý các phương tiện xe cũ, đầu tư chủ yếu nguồn vốn vay nên chi phí lãi vay lớn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh biến động lớn, điều đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh lợi nhuận sụt giảm nhiều (Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 2.193.248.905 đồng, năm 2020 là 190.322.830 đồng. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm tin học và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08
Máy móc và thiết bị	02 - 06
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 04

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 6 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay trong năm được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng. Đối với doanh thu vé ngày, Công ty ghi nhận doanh thu theo thực tế phát sinh vé bán hàng ngày tại các tuyến xe. Đối với doanh thu vé tháng, Công ty ghi nhận theo phân bổ doanh thu hàng tháng từ Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông đô thị (thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố Hà Nội). Đối với doanh thu trợ giá xe bus được ghi nhận sau khi có phê duyệt, thẩm tra từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm dịch vụ chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực dịch vụ vận tải, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	256.053.452	479.517.775
Tiền gửi ngân hàng	18.818.932.644	8.004.210.273
Tiền đang chuyển	296.131.000	182.400.000
Các khoản tương đương tiền	503.144.579	11.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>503.144.579</i>	<i>11.000.000.000</i>
Tổng	19.874.261.675	19.666.128.048

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	41.634.537.465	22.595.696.500
Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông đô thị	35.847.085.000	18.720.409.000
Công ty CP ERIDAN	3.884.700.000	1.378.520.000
Các khách hàng khác	1.902.752.465	2.496.767.500
Dài hạn	-	-
Tổng	41.634.537.465	22.595.696.500

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần TRANAUTO	2.247.960.000	-
Tổng	2.247.960.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	109.135.624	-	5.431.308.313	-
Tạm ứng	5.980.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	103.155.624	-	5.381.308.313	-
<i>Công ty Cổ phần Zenit Việt Nam (*)</i>	-	-	5.348.988.604	-
<i>BHXX nộp thừa</i>	87.635.624	-	4.167.909	-
<i>Phải thu khác</i>	15.520.000	-	28.151.800	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	109.135.624	-	5.431.308.313	-

(*) Chi phí xây dựng phần thô và phần hoàn thiện công trình: Trung tâm dịch vụ ô tô công nghệ cao thanh toán cho Công ty cổ phần Zenit Việt Nam, Công ty chi trả hộ cho các bên liên danh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2017/HĐHT/Transerco-Liên Ninh ngày 23/05/2017 giữa Tổng Công ty Vận tải Hà Nội; Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Ô tô công nghệ cao.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.539.590.662	-	1.603.893.173	-
Công cụ, dụng cụ	6.000.498	-	4.842.180	-
Tổng	1.545.591.160	-	1.608.735.353	-

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	20.979.430.085	1.772.020.000	170.547.294.000	343.577.500	193.642.321.585
Tăng trong năm	9.395.657.431	2.347.912.280	81.860.220.000	532.865.000	94.136.654.711
Mua trong năm			81.860.220.000		81.860.220.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.395.657.431	2.347.912.280		532.865.000	12.276.434.711
Giảm trong năm	-	-	43.483.404.000	-	43.483.404.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	43.483.404.000	-	43.483.404.000
Số dư tại 31/12/2020	30.375.087.516	4.119.932.280	208.924.110.000	876.442.500	244.295.572.296
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	15.318.036.484	1.748.285.666	87.675.301.624	343.577.500	105.085.201.274
Tăng trong năm	3.411.560.729	601.968.185	25.741.400.381	127.404.076	29.882.333.371
Khấu hao trong năm	2.348.956.615	406.308.828	25.741.400.381	88.810.836	28.585.476.660
Tăng khác (*)	1.062.604.114	195.659.357		38.593.240	1.296.856.711
Giảm trong năm	-	-	43.415.331.781	-	43.415.331.781
Thanh lý, nhượng bán	-	-	43.415.331.781	-	43.415.331.781
Số dư tại 31/12/2020	18.729.597.213	2.350.253.851	70.001.370.224	470.981.576	91.552.202.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	5.661.393.601	23.734.334	82.871.992.376	-	88.557.120.311
Tại 31/12/2020	11.645.490.303	1.769.678.429	138.922.739.776	405.460.924	152.743.369.432

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 139.633.251.760 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 53.706.475.240 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 4.301.048.693 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 46.602.891.250 đồng).

(*): Tăng khác là giá trị khấu hao của tài sản nhà xưởng Trần Vỹ đã trích vào chi phí trong các năm 2018, 2019

5.7 Tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm tin học	Tổng
Số dư tại 01/01/2020		-
Tăng trong năm	150.000.000	150.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	150.000.000	150.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>150.000.000</u>	<u>150.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020		-
Tăng trong năm	64.583.329	64.583.329
Khấu hao trong năm	24.999.996	24.999.996
Tăng khác (*)	39.583.333	39.583.333
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>64.583.329</u>	<u>64.583.329</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	-	-
Tại 31/12/2020	<u>85.416.671</u>	<u>85.416.671</u>

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	196.334.939	2.909.251.776
Công cụ dụng cụ	-	2.453.475.187
Chi phí bảo hiểm	196.334.939	392.140.226
Chi phí khác (chi phí bên bãi)	-	63.636.363
Dài hạn	1.135.326.047	895.258.071
Công cụ dụng cụ	390.333.750	415.212.558
Chi phí sửa chữa	744.992.297	480.045.513
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Tổng	<u>1.331.660.986</u>	<u>3.804.509.847</u>

5.9 Phải trả cho người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	11.346.139.874	11.346.139.874	7.948.539.793	7.948.539.793
Công ty CP Xăng dầu HFC	7.741.148.920	7.741.148.920	5.728.865.816	5.728.865.816
- Các đối tượng khác	3.604.990.954	3.604.990.954	2.219.673.977	2.219.673.977
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	<u>11.346.139.874</u>	<u>11.346.139.874</u>	<u>7.948.539.793</u>	<u>7.948.539.793</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	442.413.252	4.497.070.955	3.406.252.852	1.533.231.355
Thuế giá trị gia tăng	-	1.517.056.400	1.517.056.400	-
Thuế TNDN	4.469.245	65.273.860	69.743.105	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.944.007	212.561.324	99.773.976	150.731.355
Thuế tài nguyên	-	1.581.120	1.581.120	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	400.000.000	1.095.878.251	113.378.251	1.382.500.000
Phí, lệ phí, thuế môn bài và các khoản phải nộp khác	-	1.604.720.000	1.604.720.000	-
Phải thu	496.881.267	470.130.688	180.275.775	207.026.354
Thuế giá trị gia tăng	496.810.167	470.130.688	-	26.679.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	180.256.895	180.256.895
Thuế tài nguyên	71.100	-	18.880	89.980

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	253.108.541	233.037.854
Chi phí ăn ca	182.304.399	205.773.000
Chi phí điếm đỗ, bến bãi	46.057.200	27.264.854
Chi phí khác	24.746.942	-
Tổng	253.108.541	233.037.854

5.12 Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	7.798.200	150.677.600
Kinh phí công đoàn	-	135.507.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.798.200	15.170.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>7.798.200</i>	<i>15.170.000</i>
Dài hạn	1.809.500.000	1.841.000.000
Công ty Cổ phần Tranauto	350.000.000	350.000.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.459.500.000	1.491.000.000
Tổng	1.817.298.200	1.991.677.600

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	47.785.690.124	47.785.690.124	70.172.237.537	32.782.097.413	10.395.550.000	10.395.550.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia - CN Hà Nội (20 xe Samco tuyến 19) (2)	28.885.802.987	28.885.802.987	33.887.850.400	5.002.047.413	-	-	
NH TMCP Công thương Việt Nam-CN Hoàng Mai (3)	3.840.000.000	3.840.000.000	3.840.000.000	3.840.000.000	3.840.000.000	3.840.000.000	
Công ty CP Bến xe Hà Nội	4.117.337.137	4.117.337.137	4.117.337.137	-	-	-	
Vay vốn cá nhân	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	4.168.000.000	4.168.000.000	4.168.000.000	4.168.000.000	4.168.000.000	4.168.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 08B) (2)	2.387.550.000	2.387.550.000	2.387.550.000	2.387.550.000	2.387.550.000	2.387.550.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 37)	1.192.000.000	1.192.000.000	1.780.250.000	588.250.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 21A)	1.720.000.000	1.720.000.000	3.010.000.000	1.290.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 21B)	1.475.000.000	1.475.000.000	2.581.250.000	1.106.250.000	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Vay	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	91.232.475.000	91.232.475.000	61.420.000.000	17.767.050.000	47.579.525.000	47.579.525.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	8.328.000.000	8.328.000.000	-	4.168.000.000	12.496.000.000	12.496.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 08B) (2)	10.743.975.000	10.743.975.000	-	2.387.550.000	13.131.525.000	13.131.525.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 37) (1)	14.889.750.000	14.889.750.000	16.670.000.000	1.780.250.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 21A) (1)	21.090.000.000	21.090.000.000	24.100.000.000	3.010.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội(tuyến 21B) (1)	18.068.750.000	18.068.750.000	20.650.000.000	2.581.250.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia - CN Hà Nội (20 xe Samco tuyến 19) (2)	18.112.000.000	18.112.000.000	-	3.840.000.000	21.952.000.000	21.952.000.000
Tổng	139.018.165.124	139.018.165.124	131.592.237.537	50.549.147.413	57.975.075.000	57.975.075.000

(1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm:

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số: 01/2017.HDDA.VCBHN-LN ngày 21/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay có hạn mức là 25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng). Mục đích vay vốn: thanh toán và bù đắp các chi phí liên quan đến việc đầu tư 16 xe buýt trung bình phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng. Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án xe buýt trung bình sức chứa hành khách, nhãn hiệu Deawoo BC095, trị giá: 36.165.000.000 VND (bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên bản định giá tài sản đảm bảo, ngày 21/11/2017. Lãi vốn vay trả vào ngày 26 hàng tháng.

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/19/HDTDDA/TDHLN ngày 16/05/2019. Khoản vay có tổng giá trị tối đa là 17.113.000.000 VND. Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích vay vốn: Đầu tư thay thế phương tiện tuyến buýt 08B năm 2019 của Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh. Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay năm đầu là 9%/năm, các năm tiếp theo theo quy định hiện hành của VCB. Lãi vay vốn trả vào ngày 26 hàng tháng.

5.13

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2020/HĐCSTD/VCBHN-LN ngày 25/03/2020. Giới hạn cấp tín dụng: 135.115.250.000 VND. Trong đó giới hạn cấp tín dụng ngắn hạn là 42 tỷ đồng, giới hạn cấp tín dụng trung dài hạn là 135.115.250.000 đồng. Mục đích: được quy định cụ thể trong các hợp đồng. Biện pháp bảo đảm: 10 xe buýt theo hợp đồng thuê chấp phương tiện giao thông vận tải số 01/19/TCPTGT/VCBHN-LN ngày 15/5/2019, 16 xe buýt theo Hợp đồng thuê chấp phương tiện giao thông vận tải số 01.17/HĐTC/VCBHN-LIENNINH ngày 21/11/2017, tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư tài sản cố định thuộc GHTD trung dài hạn. Bao gồm các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/HĐCVHM/VCBHN-LN: hạn mức cho vay: 6 tỷ đồng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích sử dụng vốn vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất: ghi nhận trên từng Giấy nhận nợ.

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2020/TDHH/VCHN-LN ngày 16/04/2020. Số tiền cho vay tối đa: 16.677.750.000 VND. Thời hạn cho vay: 84 tháng. Lãi suất cho vay 2 năm đầu là 9%/năm, lãi suất cho vay thời gian còn lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng công 3,0%/năm. Mục đích sử dụng: tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư phương tiện tuyến buýt số 37 năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt không bao gồm lãi nhập gốc. Biện pháp bảo đảm: 12 xe buýt nhãn hiệu SAMCO ISUZU BGQ5 E4 hình thành từ dự án Đầu tư thay thế phương tiện cho tuyến buýt 37, năm 2020.

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02/2020/TDHH/VCHN-LN ngày 25/03/2020. Số tiền cho vay tối đa: 24.150.750.000 VND. Thời hạn cho vay: 84 tháng. Lãi suất cho vay 2 năm đầu là 9%/năm, lãi suất cho vay thời gian còn lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng công 3,0%/năm. Mục đích sử dụng: tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư phương tiện tuyến buýt số 21A năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt không bao gồm lãi nhập gốc. Biện pháp bảo đảm: 14 xe buýt nhãn hiệu TRACOMECO CITYBUS B76D hình thành từ dự án Đầu tư thay thế phương tiện cho tuyến buýt 21A, năm 2020.

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 03/2020/TDHH/VCHN-LN ngày 25/03/2020. Số tiền cho vay tối đa: 20.700.750.000 VND. Thời hạn cho vay: 84 tháng. Lãi suất cho vay 2 năm đầu là 9%/năm, lãi suất cho vay thời gian còn lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng công 3,0%/năm. Mục đích sử dụng: tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư phương tiện tuyến buýt số 21B năm 2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt không bao gồm lãi nhập gốc. Biện pháp bảo đảm: 12 xe buýt nhãn hiệu TRACOMECO CITYBUS95 B76D hình thành từ dự án Đầu tư thay thế phương tiện cho tuyến buýt 21B năm 2020.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/108093/HĐTD ngày 23/9/2019 giữa Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia - CN Hà Nội. Khoản vay có tổng giá trị tối đa là 26.752.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 20 xe ô tô buýt Samco BGQ5E4 do Công ty CP Transauto cung cấp theo Hợp đồng Kinh tế số 2606-2019/HĐKT/Transauto-LN ngày 26/06/2019 phục vụ hoạt động vận tải công cộng của công ty. Thời hạn vay: 7 năm. Lãi suất: năm đầu tiên :8,5%/năm, các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất thả nổi. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay là 20 xe ô tô buýt 19 chỗ ngồi + 36 chỗ đứng nhãn hiệu Samco BGQ5E4 mới 100% sản xuất 2019.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT136-CITYLIENNINH ngày 08/12/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai. Hạn mức cho vay là 5 tỷ đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nhận Nợ tối đa không quá 9 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được ghi trên từng giấy nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	50.000.000.000	515.041.345	2.741.993.382	53.257.034.727
Lãi trong năm	-	-	2.193.248.905	2.193.248.905
Chia cổ tức	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	259.841.463	(259.841.463)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(173.227.642)	(173.227.642)
Số dư tại 31/12/2019	50.000.000.000	774.882.808	3.252.173.182	54.027.055.990
Số dư tại 01/01/2020	50.000.000.000	774.882.808	3.252.173.182	54.027.055.990
Lãi trong năm nay	-	-	280.878.334	280.878.334
Số dư tại 31/12/2020	50.000.000.000	774.882.808	3.533.051.516	54.307.934.324

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn Nhà nước (Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - CTCP)	17.500.000.000	17.500.000.000
Các Cổ đông khác	32.500.000.000	32.500.000.000
Tổng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.683.069.105

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xe buýt	129.502.883.000	160.417.980.000
Doanh thu bán hàng	15.714.409.091	15.568.400.000
Doanh thu sửa chữa Trần Vỹ	11.413.049.892	6.536.718.218
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.343.453.659	1.966.411.535
Tổng	157.973.795.642	184.489.509.753

5.16 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ xe buýt	112.189.750.279	143.292.622.847
Giá vốn bán hàng	15.448.933.419	15.192.589.786
Giá vốn sửa chữa Trần Vỹ	14.348.949.392	9.233.697.923
Tổng	141.987.633.090	167.718.910.556

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	154.669.089	629.546.063
Tổng	154.669.089	629.546.063

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	9.566.740.837	3.060.876.020
Tổng	9.566.740.837	3.060.876.020

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.128.229.673	8.037.030.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.433.400	76.827.582
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.677.838.231	1.826.656.647
Thuế phí và lệ phí	-	30.878.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.409.083.616	1.016.762.688
Chi phí bằng tiền khác	339.840.896	2.296.445.638
Tổng	8.801.425.816	13.284.601.223

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	346.152.194	2.771.597.963
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	120.089.666	120.147.326
<i>Thu lao HDQT và BKS không trực tiếp</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Tiền chậm nộp thuế TNCN, Thuế tài nguyên</i>	<i>89.666</i>	<i>147.326</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế	466.241.860	2.891.745.289
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	93.248.372	578.349.058
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020	27.974.512	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	65.273.860	578.349.058

5.21 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	2.682.727.273	1.763.545.454
Thanh lý Vật tư, phụ tùng cũ, hỏng	10.621.818	5.031.818
Tổng	2.693.349.091	1.768.577.272
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	68.072.219	7.500.000
Chi phí thanh lý	51.700.000	44.000.000
Giá trị nguyên vật liệu thanh lý	-	-
Chi phí khác	89.666	147.326
Tổng	119.861.885	51.647.326
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.573.487.206	1.716.929.946

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	280.878.334	2.193.248.905
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	280.878.334	2.193.248.905
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	56,18	438,65

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.054.131.624	60.681.786.666
Chi phí nhân công	54.124.919.513	78.531.561.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.610.476.656	16.992.960.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.685.642.771	21.279.824.402
Chi phí khác bằng tiền	1.864.954.923	3.387.151.735
Tổng	135.340.125.487	180.873.284.829

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	180.000.000	180.000.000
Lương Ban Giám đốc, kế toán trưởng	Lương	1.279.601.500	1.303.005.479

Trong đó:

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ngô Xuân Phú	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Dương Minh Thắng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Đoàn Thái Bình	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Nguyễn Minh Chí	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Ngoan	TV BKS	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	TV BKS	12.000.000	12.000.000

Tiền lương của TGD và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ngô Xuân Phú	Giám đốc		13.466.538
Nguyễn Hữu Yên	Giám đốc	321.396.538	329.298.847
Ninh Đức Thọ	Phó Giám đốc	233.820.732	229.285.192
Dương Minh Thắng	Phó Giám đốc	244.280.194	258.947.979
Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc	243.844.615	237.828.460
Nguyễn Thị Thanh Vân	Kế toán trưởng	236.259.421	234.178.463

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Hữu Yên

